TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 3 - 2023
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Đoàn

2. Ông Nguyễn Hoàng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Hà.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bùi Minh T**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: tổ C, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng L**, sinh năm 1992. HKTT: tổ C, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ cư trú: ấp D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2022 nguyên đơn anh Bùi Minh T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng L cưới nhau vào năm 2009, hôn nhân do hai bên quen biết tìm hiểu nhau trước và được sự chấp thuận của gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; đăng ký kết hôn ngày 22/7/2010 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới vợ chồng sống ở ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, hạnh phúc được khoảng 07 năm. Có 01 con chung tên Bùi Chí T1, sinh ngày

13/02/2011, hiện sống với anh. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không tranh chấp; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường gây gỗ với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo lẫn nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng L. Về con chung: Bùi Chí T1, sinh ngày 13/02/2011, anh yêu cầu giải quyết cho anh được quyền nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2023 chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:* chị và anh Bùi Minh T kết hôn vào năm 2009, hôn nhân do quen biết, được gia đình hai bên chấp thuận tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Chị và anh T có 01 con chung tên Bùi Chí T1, sinh ngày 13/02/2011, hiện sống với anh T. Trong thời gian chung sống chị và anh T không tạo lập được tài sản chung nào; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ, không hàn gắn được; chị và anh T không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Nay anh T xin ly hôn, chị có ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân: chị đồng ý ly hôn anh Bùi Minh T; Về con chung: Bùi Chí T1, sinh ngày 13/02/2011, chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiếp tục giải quyết vụ án xin ly hôn giữa chị và anh T; do bận công việc gia đình nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2022 cháu Bùi Chí T1 trình bày:* trong trường hợp Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Minh T. Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Minh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng L. Về con chung: giao Bùi Chí T1, sinh ngày 13/02/2011 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; chị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở; Về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí buộc anh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Bùi Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng L, anh T có nơi cư trú thuộc huyện B, chị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiếp tục giải quyết vụ án nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn anh Bùi Minh T và bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng L xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Minh T và chị Nguyễn Thị Hồng L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung từ năm 2017 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị L, anh yêu cầu được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn chị L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bùi Chí T1, sinh ngày 13/02/2011.

Anh T yêu cầu được quyền nuôi con. Xét thấy từ khi anh T và chị L không còn sống chung, anh T là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo; chị L đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: anh Bùi Minh T và chị Nguyễn Thị Hồng L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: anh Bùi Minh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Bùi Minh T và chị Nguyễn Thị Hồng L.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Bùi Chí T1, sinh ngày 13/02/2011 cho anh Bùi Minh T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Hồng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: anh Bùi Minh T và chị Nguyễn Thị Hồng L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do anh T nộp theo biên lai thu số 0013937 ngày 25/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy anh T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Tân An Thạnh, Bình Tân, Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.